

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HS-ST

Ngày 24/3/2021

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hương Giang

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vương Minh Tân và bà Lê Thị Thảo

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Như Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 18/2021/TLST- HS ngày 25 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST- HS ngày 11/3/2021, đối với bị cáo:

**Phạm A;** Sinh ngày 01/9/1997 tại thành phố Tuyên Quang

Nơi cư trú: Tổ 11, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Không;

Con ông Phạm T và bà Trịnh H; có vợ là Phùng L và có 01 con.

Tiền án: Không.

Tiền sự: - Ngày 18/3/2020 Công an thành phố Tuyên Quang ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy bằng hình thức phạt tiền (500.000đồng - nộp phạt ngày 25/5/2020);

Nhân thân:

- Ngày 08/5/2014 Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 07 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (đã chấp hành xong);

- Ngày 24/8/2020 Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và 01 năm 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là 02 năm 03 tháng tù (bị cáo đang chấp hành án);

Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Quyết Tiến, Cục C10, Bộ Công an (từ ngày 21/10/2020). Có mặt.

\* Bị hại: Chị Hoàng A2; sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn 11, xã L, thành phố t, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần S; sinh năm 1997

Địa chỉ: Tổ 15, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 21/7/2020, Phạm A gọi điện thoại cho chị A2 hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, biển kiểm soát 22B1-610.79 của chị A2 để đi vào phường Mỹ Lâm có công việc và hẹn chị A2 đến tối (cùng ngày) A sẽ trả xe cho chị A2. Chị A2 đồng ý cho A mượn xe, A đi đến cửa hàng quần áo Zym's House thuộc tổ 17, phường T, thành phố T (nơi chị A2 đang làm) để lấy xe mô tô rồi đi vào khu vực phường Mỹ Lâm. Đến tối, trời mưa to không về được A gọi điện thoại cho chị A2 hẹn sáng hôm sau (ngày 22/7/2020) mang xe về trả cho chị A2, chị A2 đồng ý.

Đến chiều ngày 22/7/2020, do cần tiền chi tiêu nên A nảy sinh ý định cầm cổ xe mô tô của chị A2. A gọi điện thoại cho bạn là Ngô Q trú tại tổ 5, phường Y, thành phố T hỏi chỗ cầm cổ tài sản, Q giới thiệu cho chỗ S trú tại tổ 15, phường M, thành phố T để vay tiền. A mang xe mô tô của chị A2 đến khu vực gần trường THCS B thuộc phường T, thành phố Tuyên Quang để gặp S và vay số tiền 6.000.000 đồng, khi vay tiền A có viết giấy vay tiền và thỏa thuận thời hạn trả tiền là 1 tuần (ngày 30/7/2020), A để lại chiếc xe mô tô trên làm tài sản đảm bảo. Sau khi vay được tiền của Sinh, A đã tắt nguồn điện thoại để chị A2 không liên lạc được. Toàn bộ số tiền trên, A chi tiêu cá nhân hết.

Đối với chị A2, sau ngày hẹn trả xe nhưng không thấy A trả, chị A2 gọi điện thoại nhiều lần nhưng không liên lạc được, chị A2 cũng đã đến nhà A tìm nhưng không gặp được nên sáng ngày 23/7/2020 chị A2 đã đến cơ quan Công an trình báo sự việc.

Đối với S, sau ngày hẹn trả tiền nhưng không thấy A đến trả tiền và lấy xe mô tô, S đã điều khiển xe mô tô này đến nhà bạn là Nguyễn Văn H2 (trú tại thôn 11, xã L, thành phố T) chơi và gửi lại xe ở nhà H2. Đến ngày 16/8/2020, H2 điều khiển chiếc xe này đi trên khu vực thôn 11, xã L, thành phố T thì chị A2 phát hiện thấy và đã báo Cơ quan điều tra đến tạm giữ xe.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 72/KLĐG ngày 21/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Tuyên Quang, kết luận: Giá trị của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu sơn trắng, biển kiểm soát 22B1-610.79, số khung RLHJF3314DY466448, số máy JF33E-0546573, là 14.250.000 đồng.

Bản cáo trạng số 22/CT-VKSTP ngày 23 tháng 02 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Phạm A về tội *Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản* theo điểm a, khoản 1, Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện VKSND thành phố Tuyên Quang trình bày luận tội giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phạm A về tội *Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản* và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a,

khoản 1, Điều 175; điểm s khoản 1, Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù.

Tổng hợp với hình phạt 02 năm 03 tháng tù của Bản án số 69/2020/HS-ST ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù của bản án 69/2020/HS-ST.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Áp dụng: Điều 48 Bộ luật hình sự; Các điều 584, 585, 586, 589, 357 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo bồi hoàn cho anh S số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch; tuyên quyền kháng cáo cho những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không trình bày lời bào chữa, nhất trí với luận tội của đại diện VKSND thành phố Tuyên Quang, bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện nhiệm vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Bị cáo không khiếu nại, thắc mắc gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Phạm A khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, bị cáo khai nguyên nhân dẫn đến việc thực hiện hành vi phạm tội là do mải chơi, không có tiền tiêu sài cá nhân. Sau khi bị cáo mượn được xe mô tô của chị A2, bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản bằng cách mang xe mô tô đi cầm cố lấy tiền tiêu sài, bị cáo đã tắt nguồn điện thoại để chị A2 không liên lạc được với bị cáo. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập lưu trong hồ sơ vụ án. Bị cáo khai nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang truy tố bị cáo về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là đúng người, đúng tội, không oan. Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự là khách quan, chính xác. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ kết luận bị cáo Phạm A phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và điều khiển được hành vi của bản thân, nên cần phải đưa ra xét xử nghiêm mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

- Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.
- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

- Xét thấy bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xét xử về các tội chiếm đoạt tài sản và bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội lần này, bị cáo đang trong giai đoạn chuẩn bị xét xử về hành vi phạm tội tại Bản án số 69/2020/HS-ST ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang. Như vậy, bị cáo thể hiện ý thức tu dưỡng, rèn luyện kém nên khi quyết định hình phạt cần xem xét đến nhân thân của bị cáo để áp dụng mức hình phạt tù tương xứng.

Hiện bị cáo đang chấp hành hình phạt 02 năm 03 tháng tù của Bản án số 69/2020/HS-ST ngày 24/8/2020 tại Trại giam Quyết Tiến, Cục C10, Bộ Công an. Vì vậy, cần tổng hợp hai bản án theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

- Bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra đã thu hồi tài sản là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu sơn trắng, biển kiểm soát 22B1-610.79 và đã trả lại tài sản này cho chị A2. Chị A2 không có yêu cầu bồi thường dân sự nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với anh S là người cho bị cáo vay số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) và bị cáo đã để lại chiếc xe mô tô của chị A2 để làm tin. Anh S có yêu cầu bị cáo phải trả lại cho anh số tiền này. Tại phiên tòa bị cáo nhất trí trả cho anh S số tiền đã vay là 6.000.000 đồng. Xét yêu cầu của anh Sinh là có căn cứ và bị cáo cũng đã nhất trí với yêu cầu này nên cần chấp nhận buộc bị cáo phải bồi hoàn cho anh S số tiền trên.

[5] Trong vụ án này có anh S là người cho bị cáo vay tiền và bị cáo đã để lại chiếc xe mô tô của chị A2 để làm tin; anh Ngô Q là người giới thiệu anh S cho bị cáo và anh Nguyễn H2 là người cho anh S gửi nhờ xe mô tô nhưng những người này đều không biết chiếc xe mô tô trên là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo:

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm a, khoản 1, Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm A phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Phạm A 01 (một) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 02 năm 03 tháng tù của Bản án số 69/2020/HS-ST ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 03 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù của bản án số 69/2020/HS-ST ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang.

2. Căn cứ: Điều 48 Bộ luật hình sự; Các điều 584, 585, 586, 589, 357 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Phạm A bồi hoàn cho anh S số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

3. Căn cứ các Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm A phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- VKSND thành phố TQuang;
- VKSND tỉnh TQuang;
- Cơ quan CSĐT Công an TPTQuang;
- Cơ quan THAHS TPTQuang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Tquang;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thị Hương Giang**

